

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 30 tháng 9 năm 2019  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Nga
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xoa  
2. Ông Huỳnh Thanh Trà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận HC thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa: Bà Trần Nhã Minh Hoàng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HC thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc Gi** - sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện M, tỉnh Q.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu Th** - sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Chung cư H, phường N, quận HC, Thành phố Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Gi trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị Thu Th kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện M, tỉnh Q, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn B, xã Th, huyện M, tỉnh Q và sinh được hai con chung. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 9/2018, bà Th thông báo với tôi rằng sẽ ra Đà Nẵng làm việc, không tiếp tục sinh sống và làm việc tại Quảng Ngãi trong khi hai vợ chồng đã có nơi ở, công việc ổn định và các con nhỏ đều đang học tập tại Quảng Ngãi. Bản thân tôi và gia đình đã giải thích, phân tích thiệt hơn cho bà Th hiểu nhưng bà Th vẫn nhất định làm theo ý của mình. Chính vì nguyên nhân này nên quan điểm sống giữa chúng tôi có nhiều bất đồng, không cùng quan điểm, nhiều lúc cãi vã với nhau. Hiện nay, bà Th đã tự ý bỏ đi và sinh sống tại quận HC, TP Đà Nẵng khiến mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi mỗi ngày một nghiêm trọng hơn. Đã rất nhiều lần tôi động viên khuyên nhủ bà Th quay về để vợ chồng hàn gắn tình cảm và cùng tôi chăm sóc hai con nhỏ nhưng bà Th vẫn luôn thờ ơ lảng tránh, không có ý định trở về hàn gắn.

Bản thân tôi vẫn luôn mong muốn bà Th quay về để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, nếu bà Th quay về tôi sẽ rút đơn khởi kiện. Nếu bà Th vẫn không đồng ý thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu Th theo đơn khởi kiện tôi đã trình bày.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Phương L - sinh ngày 24/05/2009 và Nguyễn Ngọc Minh T; sinh ngày 16/06/2015. Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Phương L đang chung sống với mẹ tại Đà Nẵng, còn cháu Nguyễn Ngọc Minh T đang sống cùng tôi tại Quảng Ngãi.

Khi vợ chồng ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung trên và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Lý do: vợ tôi làm nghề điều dưỡng, lương hướng không cao, phải trực đêm, ở nhà thuê, ông bà ngoại ở xa nên thiết thời cho các cháu trong việc chăm sóc, dạy bảo.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của ông Gi về thời gian, điều kiện kết hôn. Tháng 2/2019, tôi chuyển công tác từ Trung tâm y tế huyện Mộ Đức đến Bệnh viện Vinmec Đà Nẵng công tác, vì tôi cảm thấy thu nhập ở đây tương đối tốt, tôi có thể lo cho con tốt hơn, điều kiện sống và học tập ở đây cũng tốt hơn, lúc này các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và muốn ở với mẹ nên tôi đã đưa hai con ra Đà Nẵng sống cùng, tuy nhiên hiện nay cháu nhỏ đang ở cùng ông Gi tại Quảng Ngãi. Chưa bao giờ tôi có ý định ly hôn vì muốn các con có được tình cảm của cả bố và mẹ và tôi vẫn còn tình cảm với chồng mình. Tôi không đồng ý ly hôn với ông Gi, xin tòa giúp đỡ để vợ chồng con cái chúng tôi được đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Phương L - sinh ngày 24/05/2009 và Nguyễn Ngọc Minh T; sinh ngày 16/06/2015. Trong trường hợp ly hôn theo quyết định của Tòa án thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con: tôi không có yêu cầu, tùy ông Gi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi HĐXX vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân quận HC áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của ông Nguyễn Ngọc Gi đối với bà Nguyễn Thị Thu Th. Giao con chung Nguyễn Ngọc Phương L - sinh ngày 24/05/2009 cho bà Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Ngọc Minh T; sinh ngày 16/06/2015 cho ông Nguyễn Ngọc

Gi trực tiếp nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thu Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th.

[2] Ông Nguyễn Ngọc Gi và bà Nguyễn Thị Thu Th tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện M, tỉnh Q, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc Gi đối với bà Nguyễn Thị Thu Th, HĐXX thấy:

Nguyên nhân dẫn đến việc ông Gi yêu cầu ly hôn với bà Th là do hiện nay bà Th cùng con đã chuyển ra Đà Nẵng làm việc và sinh sống, từ đó quan điểm sống giữa vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn phát sinh, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th xác định chưa bao giờ bà có ý định ly hôn vì muốn các con có được tình cảm của cả cha và mẹ, bản thân bà vẫn còn tình cảm với chồng mình. Tuy nhiên, qua nhiều lần Tòa án tiến hành hòa giải, bà Th vẫn không có ý định sẽ quay trở về cùng ông Gi sinh sống nên ông Gi cương quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th. Hiện nay, hai vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau, sống ly thân nhiều tháng nay.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Gi và bà Th đã xảy ra, hiện nay ông bà đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Gi đối với bà Th là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: ông Gi và bà Th xác định có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phương L - sinh ngày 24/05/2009 và Nguyễn Ngọc Minh T; sinh ngày 16/06/2015. Ly hôn, ông Gi và bà Th đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung trên và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy:

Hiện nay cháu Phương L đang sống và học tập cùng bà Th tại Đà Nẵng, cháu Minh T đang sống cùng ông Gi tại Quảng Ngãi. Vì vậy, để duy trì cuộc sống ổn định cho các cháu như hiện nay, HĐXX thấy khi ly hôn cần giao cháu Phương Liên cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Minh T cho ông Gi trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai là phù hợp và hoàn cảnh sống hiện tại của hai cháu và Điều 81, 82 Luật HNGD.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Gi, bà Th không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Gi phải chịu.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Nguyễn Ngọc Gi đối với bà Nguyễn Thị Thu Th.

### 1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: cho ông Nguyễn Ngọc Gi được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Thu Th.

### 2. Về con chung:

Xử: Giao con chung Nguyễn Ngọc Phương L - sinh ngày 24/05/2009 cho bà Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Ngọc Minh T; sinh ngày 16/06/2015 cho ông Nguyễn Ngọc Gi trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Nguyễn Ngọc Gi phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Ngọc Gi đã nộp tại biên lai thu số 007139 ngày 27/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận HC, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Ngọc Gi đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai ông Nguyễn Ngọc Gi có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thu Th vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND HC
- Chi cục THADS HC
- UBND xã Th, huyện M, tỉnh Q.
- (Giấy CNKH số 57, Quyển số 01/08)
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Thị Thanh Nga**